TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59/2021/QĐST-VHNGĐ	*Vũng Tàu, ngày 24 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG sự

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 155/2021/TLST-VHNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983

Bà Trần Thị Bích Đ, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: sốA đường L, phường T, thành phố V, tỉnh B

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 26-02-2021, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý Việc Hôn nhân và Gia đình số 155/2021/TLST-VHN về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Bích Đ, với nội dung thỏa thuận về hôn nhân: ông H và bà Đ thuận tình ly hôn. Về con chung: ông H và bà Đ có 03 con chung tên là Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 31-5- 2011, Nguyễn Minh Kh1, sinh ngày 19-11-2015 và Nguyễn Minh Kh2, sinh ngày 06-02-2017; ông H là người trực tiếp nuôi cháu Kh, bà Đ là người trực tiếp nuôi Kh1 và cháu Kh2, ông H cấp dưỡng nuôi cháu Kh1 và cháu Kh2 mỗi tháng là 70.000.000đ. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về lệ phí: Mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Bích Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Bích Đ xác nhận có 3 con chung tên là Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 31-5-2011, Nguyễn Minh Kh1, sinh ngày 19-11-2015 và Nguyễn Minh Kh2, sinh ngày 06-02- 2017; Theo nguyện vọng của cháu Kh và sự thỏa thuận của các đương sự, ông H là người trực tiếp nuôi cháu Kh, bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh1 và cháu Kh2. Ông H cấp dưỡng nuôi cháu Kh1 và cháu Kh2 mỗi tháng là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) kể từ ngày Quyết định có hiệu lực cho đến khi phát sinh chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông H và bà Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Tính từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng phải trả thêm số tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con, sau ly hôn, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2].Về lệ phí: Ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Bích Đ mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền bà Đ đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008344 và ông H đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008345 cùng ngày 24-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Ông H, bà Đ đã nộp xong lệ phí.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố Vũn;
- UBND phường T, thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.
-

THẨM PHÁN

Bùi Thị Ngát

